

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XI)
Về phát triển thành phố Bảo Lộc giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

I. TÌNH HÌNH

Qua 5 năm (2016 - 2020), thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 13/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về phát triển thành phố Bảo Lộc toàn diện, bền vững, giai đoạn 2016 - 2020*”, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Bảo Lộc lần thứ V, nhiệm kỳ 2015 - 2020; cấp ủy đảng, chính quyền thành phố Bảo Lộc đã phát huy vai trò, trách nhiệm, kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện các nghị quyết, tạo động lực phát triển, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt hầu hết các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,5%/năm¹, tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp chiếm 85,7%. Hạ tầng đô thị phát triển toàn diện, đạt 42/51 tiêu chuẩn thuộc các nhóm tiêu chí đô thị loại II; thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Lĩnh vực văn hóa - xã hội, công tác giảm nghèo đạt được những kết quả quan trọng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,47%, thu nhập bình quân đầu người đạt 69,3 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 86,5%; 100% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội đảm bảo, giữ vững và ổn định. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai nghiêm túc và tạo nhiều chuyển biến tích cực; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên; bộ máy chính quyền được củng cố, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, góp phần thực hiện hiệu quả công tác vận động nhân dân và thể hiện tốt vai trò tích cực trong giám sát, phản biện xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế: Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế địa phương và chức năng trung tâm kinh tế khu vực phía Nam của tỉnh. Việc huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, thu hút các dự án lớn có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Sự liên kết mang tính bền vững giữa ngành nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và công nghiệp chế biến nhằm nâng cao hiệu quả, giá

¹ Trong đó: giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng 9,6%/năm; dịch vụ - thương mại tăng 9,7%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,1%/năm.

trị sản xuất, kinh doanh chưa đạt yêu cầu. Quy mô doanh nghiệp còn nhỏ nên năng lực, khả năng sản xuất, kinh doanh hạn chế, sức cạnh tranh thấp. Công tác lập và triển khai thực hiện quy hoạch, quy hoạch mở rộng và phát triển không gian đô thị mới còn chậm, bộc lộ nhiều thiếu sót, bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; phát triển kết cấu hạ tầng đô thị chưa kịp thời, đồng bộ. Tiến độ triển khai một số chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm chậm. Hạ tầng giao thông đô thị, hạ tầng kinh tế kỹ thuật; hệ thống điện, nước, thu gom, xử lý nước, rác thải chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Cơ sở vật chất, trang thiết bị các ngành y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa - thể thao tuy được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu, việc huy động các nguồn lực xã hội hóa gặp nhiều khó khăn. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước một số lĩnh vực, nhất là quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, đất đai, bảo vệ tài nguyên, môi trường thực hiện chưa tốt, chưa xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Vai trò, trách nhiệm của một số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu chưa được phát huy; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu một số tổ chức cơ sở đảng còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu.

Những tồn tại, hạn chế trên do các nguyên nhân chủ yếu sau: Năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn hạn chế, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, thiếu tính tích cực, chủ động trong tham mưu, thực hiện; một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức, thiếu sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị chưa sát với thực tiễn, còn rập khuôn, máy móc, thiếu tính sáng tạo, đột phá; chưa chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư; các nguồn lực đầu tư còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; công tác quy hoạch chưa được rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; việc xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch chưa gắn với yêu cầu thực tiễn.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quy hoạch mở rộng không gian đô thị với quy mô hợp lý, tập trung các nguồn lực xây dựng thành phố Bảo Lộc phát triển nhanh, toàn diện, bền vững; đến năm 2025, cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II, tiếp cận tiêu chí đô thị loại I vào năm 2040, trở thành thành phố thông minh, hiện đại, đáp ứng vai trò là đô thị hạt nhân, trung tâm kinh tế khu vực phía Nam của tỉnh; là trung tâm Tiểu vùng III, đáp ứng các yêu cầu theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; trung tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành của tỉnh theo chuẩn quốc gia, quốc tế. Xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đảm bảo tính liên kết vùng, đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của quá trình đô thị hóa.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh, lợi thế của địa phương để huy động các nguồn lực, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nhất là thu hút nhà đầu tư chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới, với trọng tâm là: Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng; phát triển

công nghiệp chế biến, chế tạo; phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Giữ vững, ổn định quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu

2.1. Giai đoạn 2021 - 2025

a) Phần đầu đạt và vượt các nhóm chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh; hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, công trình trọng điểm, đạt tiêu chí đô thị loại II,... theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Bảo Lộc lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

b) Triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận đến năm 2040; phê duyệt quy hoạch phân khu, lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết.

c) Xây dựng thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại II, gắn với xây dựng đề án nâng cấp các xã Lộc Châu, Lộc Nga, một phần xã Đam B'ri đủ tiêu chuẩn trở thành phường (*chi tiết tại Phụ lục I, II*).

2.2. Giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến 2045

a) Tổ chức thực hiện đề án mở rộng không gian đô thị; tiếp tục nâng cấp các xã đủ tiêu chuẩn trở thành phường.

b) Tập trung các nguồn lực xây dựng thành phố Bảo Lộc phát triển nhanh, toàn diện, bền vững, tiếp cận tiêu chí đô thị loại I vào năm 2040.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tập trung rà soát, đánh giá đúng tiềm năng, thế mạnh, lợi thế, điều kiện của thành phố để thực hiện hiệu quả việc cơ cấu lại các ngành kinh tế, tập trung thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh, các dự án thuộc danh mục thu hút đầu tư được phê duyệt (*chi tiết tại Phụ lục III*); khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh; mở rộng phát triển kinh tế hợp tác; phát triển mạnh mẽ các mô hình liên kết, hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân (*giá so sánh năm 2010*) đạt 8,5 - 9,5%/năm; trong đó:

a) Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

- Xây dựng thành phố Bảo Lộc trở thành trung tâm công nghiệp của tỉnh. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng từ 9,5 - 11%/năm. Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển công nghiệp theo hướng chọn lọc, bền vững, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích phát triển các dự án công nghiệp có công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, chế biến sâu, thân thiện với môi trường, các sản phẩm có lợi thế, như: Trà, cà phê, lúa tẻ, trái cây đặc sản; khai thác, chế biến khoáng sản; các sản phẩm cơ khí, chế tạo kỹ thuật cao, ... Phát

triển công nghiệp xanh, công nghiệp chế biến sâu. Đẩy mạnh phát triển ngành sản xuất tơ lụa, sản phẩm thời trang từ lụa, tiến tới hình thành trung tâm thời trang tơ lụa Bảo Lộc. Tăng cường các giải pháp đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị nhằm cơ cấu lại sản phẩm chế biến, giảm thiểu sản xuất các sản phẩm sơ chế, gia công, bán sản phẩm thô.

- Rà soát diện tích đất, doanh nghiệp đang đầu tư tại Khu công nghiệp Lộc Sơn để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh; đồng thời, xử lý, thu hồi dự án không đầu tư hoặc vi phạm các quy định trong quá trình đầu tư; tiếp tục thu hút doanh nghiệp thực sự có năng lực, kinh nghiệm và quyết tâm đầu tư vào khu, cụm công nghiệp. Quy hoạch, đầu tư phát triển Khu công nghiệp Lộc Châu - Đại Lào; xây dựng và triển khai kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp xen kẽ tại các khu dân cư; khuyến khích phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và có hàm lượng công nghệ cao nhằm đa dạng hoá cơ cấu sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm tăng trưởng ổn định.

b) Lĩnh vực thương mại - dịch vụ, du lịch

- Duy trì, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, bình quân đạt 10 - 11%/năm. Xây dựng và phát triển thành phố Bảo Lộc trở thành thành phố dịch vụ, du lịch với các loại hình đa dạng, phong phú, hiện đại; ưu tiên các dự án sản xuất, bảo quản, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa; mở rộng, phát triển các loại hình dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa; duy trì hiệu quả hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng; phát huy vai trò các ngành dịch vụ kỹ thuật, như: Bru chính, viễn thông, dịch vụ vận tải; phát triển thương mại điện tử và kinh tế số. Hỗ trợ xây dựng phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, quảng bá phát triển thị trường trong và ngoài nước đối với các sản phẩm, như: Trà B' Lao, tơ lụa Bảo Lộc, cà phê, sản phẩm nước trái cây, giải khát, ...

- Tập trung thúc đẩy phát triển ngành du lịch, dịch vụ để phát huy lợi thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và các điều kiện tự nhiên của địa phương; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng, thương mại, khám chữa bệnh hiện đại tại khu vực: Núi Sa Pung, Hồ Nam Phương I, Hồ Nam Phương II, Thác Đam B'ri. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, kết hợp các sản phẩm dịch vụ mới riêng có của thành phố nhằm nâng cao sức hút khách du lịch với các sản phẩm đặc sắc, nhất là du lịch mạo hiểm, du lịch canh nông, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch tâm linh. Hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình quản lý chợ và xã hội hóa đầu tư xây dựng, khai thác chợ; hình thành trung tâm hội chợ triển lãm thương mại, trung tâm logistics; xây dựng nhà ở thương mại. Liên kết, mở rộng phát triển du lịch, dịch vụ liên vùng và cả nước gắn với các sản phẩm đặc hữu của địa phương.

c) Lĩnh vực nông nghiệp

- Duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 3,5 - 4,5%/năm. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng toàn diện, hiện đại, nâng cao khả năng cạnh tranh. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với du lịch canh nông, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng từng tiểu vùng.

- Nâng cao chất lượng vùng nguyên liệu chuyên canh các loại cây trồng có

thể mạnh gắn với sản xuất công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường, như: Trà, cà phê, dâu tằm, cây ăn trái, cây dược liệu; chú trọng nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật để chủ động nguồn giống tằm có chất lượng cao, hạn chế phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài. Quy hoạch phát triển khu chăn nuôi tập trung, tách biệt khu dân cư, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ sinh học hiện đại, đảm bảo quy chuẩn về môi trường.

- Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển chuỗi liên kết, nâng cao giá trị từ khâu sản xuất đến khâu chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đồng thời, hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác cùng với doanh nghiệp liên kết sản xuất, phát triển thương hiệu. Duy trì và đẩy nhanh xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu tại các xã: Lộc Thanh, Lộc Nga, Đại Lào, Lộc Châu và ĐámB'ri.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng, trồng cây xanh theo chương trình trồng 50 triệu cây xanh trong đô thị, khu dân cư, các khu sản xuất nông nghiệp đảm bảo đạt và vượt kế hoạch đề ra; đầu tư xây dựng, nạo vét, sửa chữa các công trình thủy lợi, hồ, đập, sông, suối trên địa bàn thành phố để phục vụ tưới tiêu, phòng, chống thiên tai, cải thiện môi trường, cảnh quan.

1.2. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, việc đầu tư phải thực sự cấp thiết, cấp bách và đảm bảo hiệu quả; tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp, trong đó: Tập trung ưu tiên nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho các lĩnh vực, dự án, công trình trọng tâm, trọng điểm; tạo cơ chế, chính sách huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tín dụng, vốn của doanh nghiệp và đóng góp của nhân dân để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất gắn với đảm bảo an sinh xã hội.

1.3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý ngân sách nhà nước; thực hiện hiệu quả quản lý thu để điều tiết, phân bổ chi đầy đủ, hợp lý, kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phù hợp với từng giai đoạn gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại

2.1. Quản lý quy hoạch và thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận đến năm 2040, với mục tiêu: Mở rộng và xây dựng đô thị Bảo Lộc phát triển bền vững, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo chiến lược tăng trưởng xanh, trở thành đô thị sinh thái hiện đại, thân thiện với môi trường, có bản sắc và cảnh quan đặc thù riêng; hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí đô thị loại II theo hướng đồng bộ và chuẩn hoá trước năm 2025, tiệm cận tiêu chí đô thị loại I vào năm 2040.

2.2. Chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa thành phố với các sở, ngành, cơ quan của tỉnh và nhà đầu tư để đẩy nhanh quá trình triển khai các dự án: Đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ (*Quốc lộ 55; ĐT 725 kết nối với Quốc lộ 28,...*) đi qua địa bàn thành phố nhằm thiết lập hệ thống giao thông đối ngoại hợp lý, thuận tiện cho quá trình kết nối, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội giữa thành phố Bảo Lộc với các vùng lân cận.

2.3. Tập trung thực hiện các công trình, dự án hạ tầng đô thị thiết yếu từ nguồn vốn ngân sách (*chi tiết tại Phụ lục 4*). Ưu tiên xây dựng, chỉnh trang các tuyến đường đô thị trục xuyên tâm và hướng tâm kết nối với hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ và cao tốc. Quan tâm phát triển hệ thống giao thông tỉnh trong khu vực trung

tâm và các đô thị vệ tinh, hệ thống giao thông đường vành đai, mở rộng không gian đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị hiện đại. Có cơ chế, chính sách nhằm huy động nhanh các nguồn lực, khai thác quỹ đất, thu hút các tập đoàn kinh tế lớn trong nước để đầu tư phát triển đô thị mới, đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí,...với hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị hiện đại, đồng bộ về hệ thống cấp điện, nước, thoát nước, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, hệ thống hạ tầng thông tin theo quy chuẩn.

2.4. Tập trung thực hiện các công trình trọng điểm theo kế hoạch²; đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất phúc lợi xã hội để đạt các chỉ tiêu về kiên cố hóa trường lớp học, xây dựng trường chuẩn quốc gia, đạt chuẩn theo bộ tiêu chí về y tế và hoàn thiện, sử dụng có hiệu quả thiết chế văn hóa của thành phố đáp ứng nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Tiếp tục thu hút đầu tư thực hiện các dự án xử lý rác thải, nghĩa trang tập trung.

2.5. Phát triển mở rộng không gian đô thị gắn với chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí về xây dựng đô thị văn minh, phát triển toàn diện, xây dựng “*Khu dân cư kiểu mẫu*”, “*Khu dân cư tiêu biểu*” tại các thôn, tổ dân phố; xây dựng đầy đủ, đồng bộ hạ tầng thiết yếu theo định hướng phát triển đô thị sinh thái, đô thị xanh. Phát triển, mở rộng các khu dân cư phía Nam kết nối khu vực trung tâm với trục Quốc lộ 20.

2.6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự đô thị, trật tự xây dựng, tài nguyên, môi trường, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức đảng, chính quyền, trước hết là trách nhiệm của người đứng đầu và coi đây là một chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng, của cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu.

3. Phát triển văn hóa - xã hội

3.1. Về giáo dục - đào tạo

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Cân đối nguồn lực từ ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa để đầu tư, hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học, nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở vật chất lĩnh vực giáo dục và đào tạo³ để phục vụ công tác giáo dục, đào tạo cả về kiến thức, khoa học, thể chất, khả năng thích nghi và phát huy năng khiếu của học sinh. Quan tâm thực hiện đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát huy vai trò các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở dạy nghề nhằm đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố và khu vực phía Nam của tỉnh.

3.2. Về y tế

Tiếp tục thu hút đầu tư bệnh viện chất lượng cao với quy mô 200 giường

²- Các công trình trọng điểm từ ngân sách nhà nước: Khu sinh hoạt Thanh Thiếu Niên thành phố; Dự án cải tạo suối Hà Giang - Phường I; Dự án hồ Blao S're gắn với nạo vét các sông, suối, hồ để phòng, chống ngập lụt tại địa bàn xã Lộc Châu, xã Đại Lào và phường B'Lao.

- Các công trình, dự án thu hút đầu tư, vận dụng các cơ chế đặc thù: Dự án Công trình đầu mối, nhà máy, hệ thống cấp thoát nước và hệ thống xử lý nước thải; Dự án hồ Nam Phương I; hồ Nam Phương II (gắn với Trung tâm Thời trang Tơ lụa); Dự án Tổ hợp dịch vụ - khách sạn tiêu chuẩn 5 sao (tại khu vực chợ Bão Lộc cũ); Dự án Bệnh viện chất lượng cao tại cơ sở cũ Bệnh viện II Lâm Đồng; Dự án Thương mại - dịch vụ B'Lao Xanh; Khu tổ hợp dịch vụ - du lịch sinh thái - Sân golf - cáp treo núi Sa Pung; Dự án sân golf và nghỉ dưỡng Lộc Phát.

³ Phân đầu tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp đạt 100%, tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 đạt 100%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 trên 50%.

bệnh tại cơ sở cũ của Bệnh viện II Lâm Đồng. Đổi mới, sắp xếp và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân, đẩy mạnh xã hội hóa y tế; huy động các nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở y tế công lập để đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế⁴. Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế thành phố với quy mô 150 giường, nâng cao năng lực thu dung, điều trị; đầu tư nâng cấp, nâng cao năng lực Trạm y tế xã, phường trong công tác khám, chữa bệnh ban đầu, thu dung điều trị khi có dịch bệnh xảy ra và thực hiện khám, chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình. Thu hút đầu tư các cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao nhằm thực hiện định hướng về xây dựng thành phố Bảo Lộc trở thành Trung tâm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe cấp vùng. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Phân đầu tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%.

3.3. Về văn hóa - xã hội

Tiếp tục thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng và phát triển văn hoá, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng văn hóa và phát triển con người phù hợp với định hướng, điều kiện thực tế về xây dựng, phát triển thành phố Bảo Lộc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2045. Phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa nhằm nâng cao giá trị kinh tế trong hoạt động văn hóa góp phần quảng bá hình ảnh địa phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng đô thị văn minh, hiện đại. Đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể thao, nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao quần chúng; duy trì và nâng cao thành tích đối với các bộ môn thể thao thành tích cao có thế mạnh. Huy động các nguồn lực để tiếp tục đầu tư, hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao của thành phố Bảo Lộc.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 0,2%. Tăng cường công tác quản lý, chăm sóc, giải quyết các chế độ, chính sách cho các đối tượng người có công, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

3.4. Nâng cao hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ thực tiễn sản xuất và đời sống. Phấn đấu là địa phương trong nhóm đầu về đổi mới, sáng tạo với nền sản xuất nông nghiệp, công nghiệp xanh, hiện đại; ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển, xây dựng thành phố thông minh, chính quyền điện tử, chính quyền số theo định hướng chung.

4. Cơ chế chính sách

Xem xét ban hành một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển thành phố, gồm: Cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư; quy hoạch, lập các dự án khai thác quỹ đất; sử dụng nguồn thu từ khai thác quỹ đất để đầu tư kết cấu hạ tầng (*chi tiết tại phụ lục 5*); tỷ lệ trích để lại từ nguồn thu của Nhà máy Bia Sài Gòn -

⁴ 100% xã, phường đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế và đạt 9 - 10 bác sỹ/1 vạn dân, trên 39 giường bệnh/1 vạn dân.

thành phố Bảo Lộc.

5. Củng cố quốc phòng - an ninh

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và triển khai Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập, bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị quan trọng được tổ chức tại địa phương.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phát hiện, ngăn ngừa, chủ động tấn công trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm liên quan đến “*tín dụng đen*”, tội phạm hình sự, tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Thực hiện hiệu quả các giải pháp về đảm bảo trật tự đô thị, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn. Tăng cường quản lý, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy. Giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo, xử lý, giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, vụ án tồn đọng, kéo dài, không để kẻ xấu lợi dụng, kích động, chống phá.

6. Xây dựng hệ thống chính trị

- Quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII “*Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”. Đây mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; nêu cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đấu tranh tự phê bình và phê bình, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong tổ chức sinh hoạt đảng. Thực hiện hiệu quả công tác nắm bắt dư luận xã hội, định hướng thông tin, phản bác các luận điệu xuyên tạc, chống các quan điểm sai trái, thù địch, những nhận thức lệch lạc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, sát dân, gần gũi với nhân dân. Đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, gương mẫu, có năng lực, tư duy đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; là hạt nhân đoàn kết, nhiệt huyết với công việc, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kịp thời đề xuất những cơ chế, chính sách đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư thực hiện các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, công tác kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có

dấu hiệu vi phạm; tiếp tục tập trung kiểm tra các nội dung về tư cách, phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, ý thức trách nhiệm, việc chấp hành các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước, việc thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm. Quyết liệt đấu tranh phòng, chống và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực; những nhiễu, gây phiền hà nhân dân. Chú trọng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; kịp thời phát hiện và xử lý đối với cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm đảm bảo theo quy định.

- Đổi mới nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy vai trò các tầng lớp nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này và xây dựng cơ chế chính sách tạo đột phá trong phát triển của thành phố Bảo Lộc.

- Chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thường xuyên quan tâm, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ, tạo điều kiện, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thành phố Bảo Lộc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thành ủy Bảo Lộc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết với quyết tâm chính trị cao, bằng các chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các Vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố Bảo Lộc,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, KT₁.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Trần Đức Quận



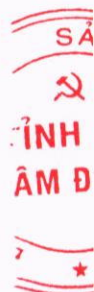
PHỤ LỤC 1

Tổng hợp kết quả đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đô thị loại II

(Kèm theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Các yếu tố đánh giá		Chỉ tiêu đô thị loại II		Hiện trạng		
			Đơn vị tính	Điểm	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
				yêu cầu			
I	Tiêu chí 1. Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KTXH			15-20	17.75	Đạt	
1	Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm tổng hợp cấp vùng hoặc cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông.		3.75-5	5	Đạt	
2	Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội			11.25-15	12.75		
2.1	Cân đối đủ thu chi ngân sách	Đủ, dư		1.5-2	2	Đạt	
2.2	Thu nhập bình quân đầu người/ năm so với cả nước	lần	1.4-1.75	2.25-3	1.5		Chưa đạt
2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản		2.25-3	3	Đạt	
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	6.5-7	1.5-2	2	Đạt	
2.5	Tỷ lệ các hộ nghèo	%	6-7	1.5-2	2	Đạt	
2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học)	%	1.4-1.8	2.25-3	2.25	Đạt	
II	Tiêu chí 2. Quy mô dân số			6-8	7	đạt	
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	200-500	1.5-2	1		chưa đạt
2	Dân số khu vực nội thị	1.000 người	100-200	4.5-6	6	Đạt	
III	Tiêu chí 3. Mật độ dân số			4.5-6	5	đạt	
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/ km ²	1800-2000	1-1.5	0.5		chưa đạt
2	Mật độ dân số khu vực nội thị	Người/km2	8000-10000	3.5-4.5	4.5	Đạt	

STT	Các yếu tố đánh giá		Chỉ tiêu đô thị loại II		Hiện trạng		
			Đơn vị tính		Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
				Điểm yêu cầu			
IV	Tiêu chí 4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp			4.5-6	4.5	đạt	
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	65-70	1-1.5	1	Đạt	
2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	%	80-85	3.5-4.5	3.5	Đạt	
V	Tiêu chí 5. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			45-60	51.5		
1	Khu vực nội thành, nội thị			36-48	40.25		
1.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội			7.5-10	9		
1.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở			1.5-2	2	Đạt	
-	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² sàn/ người	26.5-29	0.75-1	1	Đạt	
-	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	%	90-95	0.75-1	1	Đạt	
1.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng			6-8	7	đạt	
-	Đất dân dụng	m ² / người	54-61	0.75-1	1	đạt	
-	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² / người	4-5	0.75-1	1	đạt	
-	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở.	m ² / người	1.5-2	0.75-1	1	đạt	
-	Cơ sở y tế cấp đô thị	Giường/ 1.000 dân	2.4-2.8	0.75-1	1	đạt	
-	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Cơ sở	10-20	0.75-1	1	đạt	
-	Công trình văn hóa cấp đô thị	Công trình	6-10	0.75-1	0.25		chưa đạt
-	Công trình TDTT cấp đô thị	Công trình	5-7	0.75-1	0.75	đạt	
-	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	Công trình	7-10	0.75-1	1	đạt	



STT	Các yếu tố đánh giá		Chỉ tiêu đô thị loại II		Hiện trạng		
			Đơn vị tính	Điểm	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
				yêu cầu			
1.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật			10.5-14	11.75		
1.2.1	Các tiêu chuẩn về giao thông			4.5-6	4.75	đạt	
-	Đầu mối giao thông	Cấp	Vùng tỉnh - vùng liên tỉnh-quốc gia	1.5-2	1.5	đạt	
-	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	15-22	0.75-1	1	đạt	
-	Mật độ đường giao thông (đường có chiều rộng > 7,5m)	Km/Km ²	7-10	0.75-1	1	đạt	
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² / người	11-13	0.75-1	1	đạt	
-	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	10-15	0.75-1	0.25		chưa đạt
1.2.2	Cấp điện và chiếu sáng công cộng			2.25-3	2.25	đạt	
-	Cấp điện sinh hoạt	kWh/ người/ năm	700-850	0.75-1	1	đạt	
-	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	95-100	0.75-1	0.75	đạt	
-	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	55-80	0.75-1	0.5		chưa đạt
1.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước			2.25-3	2.75	đạt	
-	Cấp nước sinh hoạt	Lít/ người/ ngày đêm	110-125	0.75-1	0.75	đạt	
-	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	95-100	1.5-2	2	đạt	
1.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông			1.5-2	2	đạt	

STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại II			Hiện trạng		
		Đơn vị tính		Điểm	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
				yêu cầu			
-	Số thuê bao internet	Số thuê bao internet/ 100 dân	20-25	0.75-1	1	đạt	
-	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	%	95-100	0.75-1	1	đạt	
1.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường			10.5-14	12		
1.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng			2.25-3	3	đạt	
-	Mật độ đường công thoát nước chính	,Km/ Km ²	4-4.5	1.5-2	2		
-	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	Có giải pháp- Đang triển khai thực hiện	0.75-1	1		
1.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải			3.75-5	4	đạt	
-	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	70-85	0.75-1	1	đạt	
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	30-40	0.75-1	0		chưa đạt
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	80-90	0.75-1	1	đạt	
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải	%	70-80	0.75-1	1	đạt	
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	90-100	0.75-1	1	đạt	
1.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ			1.5-2	1		
-	Nhà tang lễ	Cơ sở	1-2	0.75-1	0.75	đạt	



STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại II			Hiện trạng		
		Đơn vị tính		Điểm	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
				yêu cầu			
-	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	%	15-20	0.75-1	0.25		chưa đạt
1.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị			3-4	4	đạt	
-	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² / người	7-10	1.5-2	2	đạt	
-	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	m ² / người	5-6	1.5-2	2	đạt	
1.4	Nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị			7.5-10	7.5	đạt	
1.4.1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã có quy chế - đã có quy chế được ban hành tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt	1.5-2	2	đạt	
1.4.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	40-50	1.5-2	1.5	đạt	
1.4.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	Dự án	2-4	1.5-2	2	đạt	
1.4.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	4-6	1.5-2	2	đạt	
1.4.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Cấp	Có công trình cấp tỉnh - có công trình cấp quốc gia	1.5-2	0		chưa đạt
2	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại			9-12	11.25	đạt	
2.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội			3-4	4	đạt	
2.1.1	Trường học	%	40-50	0.75-1	1	đạt	
2.1.2	Cơ sở vật chất văn hóa	%	35-45	0.75-1	1	đạt	
2.1.3	Chợ nông thôn	%	60-70	0.75-1	1	đạt	
2.1.4	Nhà ở dân cư	%	60-80	0.75-1	1	đạt	
2.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật			3-4	3.25	đạt	



STT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu đô thị loại II			Hiện trạng		
		Đơn vị tính		Điểm	Điểm hiện trạng	Đạt	Chưa đạt
				yêu cầu			
2.2.1	Giao thông	%	40-50	2.25-3	2.25	đạt	
2.2.2	Điện	%	80-85	0.75-1	1	đạt	
2.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường			1.5-2	2	đạt	
-	Môi trường	%	40-65	1.5-2	2	đạt	
2.4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan			1.5-2	2	đạt	
-	Quỹ đất nông nghiệp, vùng cảnh quan sinh thái được phục hồi, bảo vệ	(%)	70-80	1.5-2	2	đạt	
Tổng điểm					85.75		





PHỤ LỤC 2

Lộ trình hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại II và xây dựng Đề án mở rộng không gian đô thị theo Đề án quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận đến năm 2040.
(Kèm theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Công việc chính	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Đánh giá các tiêu chí đô thị loại II	Quý III/2021	
2	Phê duyệt Đề án quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận đến năm 2040	Quý IV/2021	
3	Đầu tư các tiêu chí còn thiếu so với đô thị loại II	2021 - 2025	
3.1	Đầu tư về giao thông - hạ tầng kỹ thuật		
-	Hệ thống xử lý nước thải	2022-2024	
-	Hệ thống chiếu sáng ngõ hẻm	2022-2025	
3.2	Đầu tư về hạ tầng văn hóa - xã hội		
-	Công trình văn hóa cấp đô thị	2022-2023	
-	Công trình kiến trúc tiêu biểu	2022-2023	
4	Lập hồ sơ công nhận đô thị loại II gắn với xây dựng đề án nâng cấp các xã Lộc Châu, Lộc Nga đủ tiêu chuẩn trở thành phường	2024-2025	
4.1	Trình, phê duyệt chủ trương		
4.2	Lập hồ sơ công nhận đô thị loại II		Thuê đơn vị tư vấn có năng lực theo quy định
4.3	Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết		
4.4	Hoàn chỉnh Đề án trình cấp thẩm quyền phê duyệt		

**PHỤ LỤC 3****DANH MỤC DỰ ÁN MỜI GỌI THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẢO LỘC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025***(Kèm theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

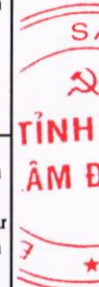
STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
I	LĨNH VỰC DU LỊCH, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ												
2	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí hồ Nam Phương I.	Phường 1 - phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc.	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí.	200 ha	6,400 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		Phía Bắc giáp đất nông nghiệp và khu dân cư mật độ thấp; Phía Đông giáp đường Lý Thường Kiệt; phía Tây giáp tuyến đường Lý Thái Tổ; phía Nam giáp đường Lý Thường Kiệt và khu quy hoạch dân cư 14A	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù GPMB theo quy định. Dân cư mật độ thấp tập trung chủ yếu ở dọc các trục đường chính, chủ yếu là đất nông nghiệp, mặt nước khoảng hơn 55ha; còn lại là các loại đất khác, một phần đất do nhà nước quản lý.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	3,400 tỷ	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
3	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí hồ Nam Phương II.	Phường 1 - phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc.	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí.	84 ha	2,940 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		Phía Bắc: giáp đường Lý Thường Kiệt, đường Đào Duy Từ và công viên hồ Nam Phương I. Phía Nam: giáp đường Hoàng Văn Thụ, đường Lê Ngọc Hân và khu trung tâm Văn hóa thể thao. Phía Tây: giáp đường Hoàng Văn Thụ, đường quy hoạch. Phía Đông: giáp đường Lê Đại Hành, đường Phạm Ngọc Thạch và khu dân cư đồng hồ Nam Phương.	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Dân cư mật độ thấp chủ yếu là đất nông nghiệp, mặt nước quy hoạch chiếm khoảng hơn 27ha còn lại là các loại đất khác, một phần đất do nhà nước quản lý.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 15/12/2006	1,680 tỷ	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
4	Khu liên hợp thể thao Bảo Lộc.	Khu quy hoạch mở rộng Trung tâm thành phố Bảo Lộc (thuộc phường 1).	Xây dựng trung tâm thể dục - thể thao cấp vùng.	24 ha	360 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		Phía Bắc giáp: đường quy hoạch và khu công viên hồ Nam Phương; Phía Tây giáp: đường quy hoạch và khu dân cư; Phía Nam giáp: đường quy hoạch; Phía Đông giáp: đường Phạm Ngọc Thạch.	Khu đất do nhà nước thu hồi đất. Chia làm nhiều phân khu chức năng, hiện tại có 2 DA đã được cấp chủ trương đầu tư theo QĐ 278/2017/QĐ-UBND ngày 06/2/2017 và QĐ 1075/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 13/07/2016		
5	Chợ đầu mối nông sản tổng hợp thành phố Bảo Lộc.	Khu 6B, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc.	Đầu mối lưu thông các loại nông sản.	3 ha	90 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch phân khu xây dựng phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Dân cư mật độ thấp chủ yếu là đất nông nghiệp, còn lại là các loại đất khác.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 185/QĐ - UBND ngày 24/01/2013	45 tỷ	
6	Tổ hợp dịch vụ khách sạn (tiêu chuẩn 5 sao)	Lê Hồng Phong, phường 1, thành phố Bảo Lộc.	Phát triển khu tổ hợp dịch vụ thương mại, khách sạn, căn hộ cao cấp, codotel cho thuê	1,047 ha	42,21 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm đô thị trung tâm thành phố, gồm một phần phường 1, phường 2 và phường Blao thành phố Bảo lộc	Đất do nhà nước quản lý thuộc diện đầu thầu Nhà đầu tư phải hoàn trả lại chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng.	Điều chỉnh theo Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/04/2016; Quyết định 633/QĐ-UBND ngày 05/04/2018 của UBND tỉnh; Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 19/03/2019 của UBND thành phố Bảo Lộc; Sở công thương đề xuất đổi tên tại văn bản số 3220/SCT-ĐT&HN ngày 23/9/2019	Quyết định số 1731/QĐ - UBND ngày 28/06/2012		Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
7	Trung tâm thương mại dịch vụ (Vành đai phía Nam)	Vành đai phía Nam, thành phố Bảo Lộc	Phát triển thương mại, dịch vụ.	Tùy theo dự án	Tùy theo dự án	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch phân khu xây dựng dọc tuyến đường Vành đai nam thành phố Bảo Lộc	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Tùy vị trí thuộc quy hoạch đường Vành đai phía nam do nhà đầu tư đề xuất	Quyết định 633/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh	Quyết định 1690/QĐ-UBND ngày 6/7/2015	Tùy theo dự án	
8	Sân golf Lộc Phát	Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc	Hình thành sân golf 36 lỗ theo tiêu chuẩn quốc tế	200 ha	6.000 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu; phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu; phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu; phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	UBND thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quy hoạch chung TX Bảo Lộc Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng	3.000 tỷ	
9	Khu du lịch sinh thái núi Sapung	Xã Lộc Châu, Xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc	Hình thành khu du lịch sinh thái tiêu chuẩn 4 sao	432,5ha	9.460 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Lộc Châu thành phố Bảo Lộc	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	UBND thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định 3750/QĐ-UBND ngày 28/12/2011	3.010 tỷ	
10	Dự án khu đô thị du lịch thiên đường mắc ca	Phường Blao, phường Lộc Sơn	Tận dụng lợi thế của địa phương để phát triển đồng đều nông nghiệp và du lịch sinh thái	187,39	3.000 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch phân khu liên phường: phường Blao và phường Lộc Sơn, phía bắc đông Đại Bình, thành phố Bảo Lộc	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 28/06/2012	1.500 tỷ	Theo văn bản 499/SXD-QHKT ngày 31/3/2021
11	Dự án trung tâm nghỉ dưỡng - chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	phường Lộc Tiến	Tận dụng lợi thế của địa phương để phát triển đồng đều nông nghiệp và du lịch sinh thái	7,5ha	225 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu; phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu; phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu; phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu	Đất do nhà nước quản lý	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quy hoạch sử dụng đất 904/QĐ-UBND ngày 26/4/2019; nhà đầu tư nghiên cứu lập quy hoạch		
12	Dự án bãi đỗ xe	phường 1	Phát triển thương mại, dịch vụ	3.222 m2	50 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch chi tiết Xây dựng khu P5 thuộc trung tâm mở rộng phường 1 thành phố Bảo Lộc	Đất do nhà nước quản lý gồm 02 vị trí đất lô B1 diện tích 684m2; lô B2 diện tích 2.538 m2	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 01/04/2011		Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
13	Khu tái định cư - Trung tâm thương mại - dịch vụ B'Lao Xanh	Nguyễn Văn Cừ - Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc.	Phát triển dân cư, thương mại và các dịch vụ.	4,07 ha	122,1 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Đông: Giáp đường nhựa Tô Hiệu và khu dân cư hiện hữu; Phía Tây: Giáp đường Nguyễn Văn Cừ; Phía Nam: Giáp đường Trần Phú; Phía Bắc: Giáp đường đất và đất khu dân cư hiện hữu.	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Khu đất có mật độ dân số trung bình, bám các trục đường chính như Nguyễn Văn Cừ, Quốc Lộ 20, một phần diện tích thuộc quản lý của nhà nước, còn lại là đất nông nghiệp và các loại đất khác.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 16/7/2013	61,05 tỷ	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
14	Chợ Khu phố 7	Phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	Phát triển mạng lưới chợ	01 ha	30 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Bắc giáp đường quy hoạch và khu đất dự phòng; Phía Nam giáp đường quy hoạch và khu đất dân cư hiện hữu; Phía Đông giáp đường quy hoạch và khu A4, A5; Phía Tây giáp đường quy hoạch và khu đất công cộng	Đất do nhà nước quản lý	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 25/10/2017		
15	Chợ Lộc Sơn	Khu tái định cư phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	Phát triển mạng lưới chợ	0,3 ha	9 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch phân khu xây dựng phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	Đất do nhà nước quản lý	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh	Quyết định số 185/QĐ - UBND ngày 24/01/2013		
16	Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng dưới tán rừng	thôn 12 xã Đambri	Tận dụng lợi thế của địa phương để phát triển đồng đều nông nghiệp và du lịch sinh thái	13,95 ha	418,5 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Nằm trong quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Đambri, thành phố Bảo Lộc	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Đất của nhà nước quản lý và một phần của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	Văn bản 1810/UBND-TNMT ngày 28/8/2019 của UBND thành phố Bảo Lộc	Quyết định 3305/QĐ-UBND ngày 05/12/2011	209,25 tỷ	
17	Dự án hồ thủy lợi kết hợp du lịch sinh thái.	Hồ B' Lao Sirê, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc.	Phát triển du lịch sinh thái kết hợp với thủy lợi.	62,2 ha	1.368,4 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu; phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu; phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu; phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Đất mặt nước quy hoạch khoảng 55 ha, hiện tại chủ yếu là đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quy hoạch sử dụng đất 904/QĐ-UBND ngày 26/4/2019; nhà đầu tư nghiên cứu lập quy hoạch	435,4 tỷ	
II													
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP													
18	Xây dựng Dự án Khu công nghiệp Lộc Châu - Đại Lào	Phường Lộc Tiến, xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm	Đầu tư hạ tầng và nhà máy sản xuất	188 ha				Quy mô diện tích 188 ha, trong đó: Lộc Tiến 7,2 ha, Lộc Châu 155ha, Lộc Tân (Bảo Lâm) 25,8ha.	Đất do nhà nước thu hồi khi có quyết định đầu tư	Thành phố Bảo Lộc đề xuất, UBND tỉnh thống nhất chủ trương			Giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thiện các hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ đưa vào quy hoạch Khu Công nghiệp Việt Nam. Giai đoạn sau 2025 đầu tư hạ tầng, thu hút đầu tư.
19	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan	Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	Phát triển các sản phẩm công nghiệp đặc trưng	2-4 ha, 30.000-50.000 tấn/năm	120 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh		Quốc lộ 20 khu vực ngã ba quốc lộ 20 - quốc lộ 55 đến cầu Minh Rồng phường Lộc Sơn thành phố Bảo Lộc	Khu đất do nhà nước thu hồi, Khu vực dự án thuộc đất của Khu công nghiệp Lộc Sơn.	QĐ 2356/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh	Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 22/9/2014		

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
20	Các dự án đầu tư công nghiệp phụ trợ phục vụ trong các lĩnh vực sản xuất cơ khí, chế tạo ngành công nghiệp ô tô, xe máy, linh kiện điện tử, may mặc, xây dựng	Khu công nghiệp Lộc Sơn thành phố Bảo Lộc	Phát triển các sản phẩm công nghiệp phụ trợ	5-10 ha 30.000-50.000 tấn/năm	300 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh		Khu CN Lộc Sơn	Khu đất do nhà nước thu hồi, Khu vực dự án thuộc đất của Khu công nghiệp Lộc Sơn.	Quyết định 2356/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh	Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 và Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 22/9/2014		
21	Nhà ở công nhân và các dịch vụ tiện ích công cộng trong các khu công nghiệp	KCN Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở của công nhân trong khu công nghiệp	03 ha	120 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh		Quốc lộ 20 khu vực ngã ba quốc lộ 20 - quốc lộ 55 đến cầu Minh Rồng phường Lộc Sơn thành phố Bảo Lộc	Khu đất do nhà nước thu hồi, Khu vực dự án thuộc đất của Khu công nghiệp Lộc Sơn.	Quyết định 2356/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh	Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 22/9/2014		
III LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP													
22	Nuôi cá nước ngọt.	Hồ Mai Thành, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc.	Nuôi cá nước ngọt có giá trị kinh tế cao.	35 ha	1.050 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Đông giáp khu dân cư hiện hữu; phía Tây giáp khu dân cư hiện hữu; phía Nam giáp khu dân cư hiện hữu; phía Bắc giáp khu dân cư hiện hữu	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Mặt nước hồ và phần diện tích bảo vệ hồ đập do nhà nước quản lý, diện tích đập hồ Mai Thành khoảng 27ha, phần diện tích còn lại chủ yếu là đất nông nghiệp trồng trà, cà phê.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quy hoạch sử dụng đất 904/QĐ-UBND ngày 26/4/2019; nhà đầu tư nghiên cứu lập quy hoạch	525 tỷ	
IV LĨNH VỰC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ KHU DÂN CƯ													
23	Dự án khu dân cư Trung tâm xã Lộc Thanh.	Đoàn Thị Diễm, thôn Thanh Xuân, xã Lộc Thanh, TP. Bảo Lộc.	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	28,2 ha	705 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Bắc giáp đường Đoàn Thị Diễm và khu dân cư; Phía Nam giáp khu đất nông nghiệp trồng trà và cà phê; Phía Đông giáp khu đất nông nghiệp trồng trà và cà phê; Phía Tây giáp khu đất nông nghiệp trồng trà và cà phê	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Phía Bắc dự án là nơi có dân cư sinh sống, các khu vực còn lại chủ yếu là đất nông nghiệp trồng trà, cà phê.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 27/12/2012	282 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
24	Dự án khu dân cư Trung tâm xã Lộc Nga.	Ấu Cơ, thôn Nausri, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc.	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	27,6 ha	662,4 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Bắc giáp Quốc lộ 20; Phía Nam giáp đường Nguyễn Biểu; Phía Đông giáp đường Tô Vĩnh Diện; Phía Tây giáp đường Ấu Cơ + khu dân cư	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Phía Bắc dự án giáp với Quốc lộ 20 là nơi có dân cư sinh sống kết hợp kinh doanh mật độ cao; các khu vực còn lại chủ yếu là nhà ở kết hợp sản xuất nông nghiệp trồng trà, cà phê	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 27/12/2012	248,4 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
25	Dự án Khu dân cư mở rộng phường Lộc Tiến.	Nguyễn Tri Phương, khu phố 1, 4, 5 phường Lộc Tiến, TP. Bảo Lộc.	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	224 ha	7.168 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh.		Phía Bắc giáp đường Phan Đình Phùng; Phía Nam giáp khu dân cư; Phía Đông giáp suối Tân Hà; Phía Tây giáp đường La Văn Cầu	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Khu vực quy hoạch có mật độ dân cư phân bố thưa thớt, đất nơi đây chủ yếu là đất trồng hoa màu đất trồng, dân cư bám theo các trục giao thông chính, các công trình công cộng còn thiếu, chưa có đủ đáp ứng cho người dân tại đây.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 23/7/2009	3.808 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
26	Dự án Khu dân cư Trung tâm xã Lộc Châu.	Thôn 2, xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc.	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	30 ha	660 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp (trồng cà phê); Phía Nam giáp đường Lê Thị Riêng và đất sản xuất nông nghiệp (trồng cà phê); Phía Đông giáp đất sản xuất nông nghiệp trồng cà phê; Phía Tây đường Trương Định.	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Khu vực đường Trương Định và Lê Thị Riêng dân cư sinh sống mật độ thấp, chủ yếu là nhà tạm và nhà vườn, các khu vực còn lại chủ yếu là nhà ở kết hợp sản xuất nông nghiệp trồng trà, cà phê.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 27/12/2012	210 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
27	Dự án Khu dân cư Trung tâm xã Đại Lào.	Thôn 2, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc.	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	30 ha	660 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Bắc giáp với Đường Thi sách; Phía Nam giáp khu dân cư + đất sản xuất nông nghiệp; Phía Đông giáp suối; Phía Tây đường chuyên dùng (vận chuyển Bauxit)	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Vị trí của khu đất phía Bắc giáp với Đường Thi sách là nơi có dân cư sinh sống mật độ tương đối ổn định. Phía Tây giáp với đường Chuyên dùng (vận chuyển Bauxit) là nơi có dân cư sinh sống mật độ thấp có kết hợp sản xuất nông nghiệp; các khu vực còn lại chủ yếu là nhà ở kết hợp sản xuất nông nghiệp trồng trà, cà phê.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 27/12/2012	210 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
28	Dự án khu dân cư kế cận trường tiểu học Lộc Sơn 1	phường Lộc Sơn	Đáp ứng nhu cầu nhà ở và các khu chức năng đô thị.	1,9ha	51,3 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Bắc và Tây Bắc giáp khu dân cư hiện hữu; Phía Đông giáp đất trồng chè, cà phê và khu dân cư hiện hữu; Phía Tây Nam giáp đường Yết Kiêu và nhà máy điện Hàm Thuận Đa Mi; Phía Nam Giáp đường đất và khu dân cư hiện hữu	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 1,9 ha đất do nhà nước quản lý, Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng.	UBND thành phố đề xuất	Quyết định 1966/QĐ-UBND ngày 02/8/2011	22,8 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
29	khu dân cư dọc tuyến đường nối đường Trần Quốc Toàn và đường 1 tháng 5, phường B'Lao, thành phố Bảo Lộc	phường Blao	Đáp ứng nhu cầu nhà ở và các khu chức năng đô thị.	16,8ha	571,2 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Bắc giáp UBND phường Blao, khu dân cư hiện hữu và khu đất trồng cây nông nghiệp; Phía Nam Giáp đất trồng cây nông nghiệp và đất dự án công viên hồ 28/3; Phía Đông giáp đường Trần Quốc Toàn; Phía Tây giáp đất trồng cây nông nghiệp và khu dân cư hiện hữu hướng ra đường 1/5	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 16,8ha trong đó đất ở: 5,856ha; đất công trình công cộng: 0,389ha; Đất cây xanh: 3,775ha; Đất hành lang bảo vệ đường điện cao thế: 0,717ha; Đất giao thông, hành lang kĩ thuật: 6,063ha.	UBND thành phố đề xuất	Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 4/7/2019	319,2 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án



STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
30	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư dọc đường Tô Hiến Thành (phần khu 2)	xã Lộc Châu	Đáp ứng nhu cầu nhà ở và các khu chức năng đô thị.	36,4	800,8 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.	Đã trình UBND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt	Phía Bắc giáp quốc lộ 20; Phía Nam giáp ranh giới an toàn lưới điện 230kv; Phía Đông giáp đường Tô Hiến Thành; Phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 36,4ha đất trồng cây lâu năm, Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	UBND thành phố đề xuất	Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	254,8 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
31	Dự án khu dân cư đường Phan Ngọc Thạch và đường Đào Duy Từ cụm công nghiệp Lộc Phát	phường Lộc Phát	Đáp ứng nhu cầu nhà ở và các khu chức năng đô thị.	8,3ha	273,9 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.	Đã trình UBND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt	Phía Bắc giáp đường Đào Duy Từ; Phía Nam giáp cụm công nghiệp sạch và dịch vụ Lộc Phát; Phía Đông giáp đất nông nghiệp trồng trà, cà phê; Phía Tây giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 8,3ha đất trồng cây lâu năm, Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	UBND thành phố đề xuất	Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 30/7/2010	149,4 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
32	Dự án khu dân cư phường Lộc Phát	Phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	46,94 ha	1.549,02 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.	Đã trình UBND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt	Phía Bắc giáp đường Cao Bá Quát; Phía Nam giáp khu dân cư Licogi; Phía Đông giáp suối Su Ba Giang; Phía Tây giáp đường Lý Thường Kiệt	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích dự án 46,94ha Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	Quyết định 1891/QĐ-UBND ngày 04/09/2019 của UBND tỉnh	Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 14/05/2018	844,92 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
33	Dự án khu dân cư tái định cư tổ 11 phường Blao	Phường Blao, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	8,94 ha	295,02 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.	Đã trình UBND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp trồng trà và nhà ở mật độ thấp; Phía Nam giáp đường quy hoạch; Phía Đông giáp đường Trần Quốc Toản; Phía Tây giáp suối hiện hữu	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 8,94 ha đất trồng cây lâu năm, Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	UBND thành phố đề xuất	Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 27/08/2013	160,92 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
34	Dự án khu dân cư N2 khu trung tâm mở rộng thành phố Bảo Lộc	phường 1 thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	4,09ha	143,15 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Bắc giáp đường quy hoạch và khu dân cư; Phía Nam giáp đường quy hoạch và khu dân cư; Phía Đông giáp đường Hoàng Văn Thụ; Phía Tây giáp Chi Cục Thuế Bảo Lộc đường Hồ Tùng Mậu	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 4,09 ha đất trồng cây lâu năm, Đất của hộ gia đình cá nhân, phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	UBND thành phố đề xuất	Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 08/06/2017	81,8 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
35	Khu dân cư mở rộng khu phố 3 phường Lộc Tiến	đường Phan Ngọc Hiến, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	18,46 ha	516,88 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		Phía Bắc: Giáp đường quy hoạch và khu dân cư. Phía Nam: Giáp đường quy hoạch và khu dân cư. Phía Đông: Giáp đường quy hoạch và khu dân cư. Phía Tây: Giáp với đường Phan Ngọc Hiến và khu dân cư tái định cư khu phố 3, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 18,46 ha chủ yếu là đất của hộ gia đình cá nhân	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định 172/QĐ-UBND ngày 09/2/2017		Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
36	Khu dân cư tổ 14, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 14, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	44,147 ha	1,200 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		•Phía Bắc giáp ranh đất dân cư và đất vườn. •Phía Đông giáp Khu Dân Cư Khu Phố 7 Lộc Phát. •Phía Tây giáp đất dân cư và đất vườn. •Phía Nam giáp đường Nguyễn Văn Cừ.	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 44,147 ha chủ yếu là đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 27/8/2013		Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu	Quy mô	Tổng vốn	Hình thức đầu tư	KH sử dụng đất	Ranh giới	Hiện trạng khu đất	Đơn vị đề xuất	QĐ quy hoạch	Dự kiến kinh phí ĐB, GPMB	Ghi Chú
37	Khu dân cư Nguyễn Tri Phương (giai đoạn 1)	phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân.	45,6ha	1.276,8 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Bắc giáp đường Phan Đình Phùng; Phía Nam giáp khu dân cư; Phía Đông giáp suối Tân Hà; Phía Tây giáp đường La Văn Cầu	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tổng diện tích 45,6 ha chủ yếu là đất của hộ gia đình cá nhân	Quyết định 2348/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh	Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 23/7/2009	592,8 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
38	Các khu dân cư và khu chức năng đô thị thuộc quy hoạch phân khu xây dựng đường vành đai phía Nam.	Phường Lộc Tiến, phường Lộc Sơn, phường B. Lao, xã Lộc Châu, xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc.	Đáp ứng nhu cầu nhà ở và các khu chức năng đô thị.	362,4 ha	9.060 tỷ đồng	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh.		Phía Nam thành phố Bảo Lộc chạy dọc bờ Bắc của sông Đại Bình cắt qua khu công nghiệp Lộc Sơn và đi qua địa bàn 2 xã Lộc Nga, Lộc Châu và 2 phường Lộc Sơn, Blao; Điểm đầu tuyến Km 128+800 quốc lộ 20 (xã Lộc Nga) Điểm cuối tuyến Km 114 + 350 quốc lộ 20 (xã Lộc Châu), chiều dài tuyến khoảng 16Km	Nhà đầu tư ứng tiền, nhà nước hỗ trợ công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Dân cư chủ yếu bám dọc QL 20 (tại các thôn 2, 4, Ánh Mai 3 thuộc xã Lộc Châu. Thôn Nga Sơn, 1, 2 và thôn Nausri thuộc xã Lộc Nga), QL 55 (đoạn đi qua khu công nghiệp Lộc Sơn) và các tuyến đường hiện hữu như ở xã Lộc Châu là Ngõ Tắt Tổ, Đình Công Tráng, Xuân Diệu, Lê Thị Riêng. Còn tại Lộc Nga là các đường Trần Quang Khải, Âu Cơ, Nguyễn Huy Tưởng, Trịnh Hoài Đức, Sư Vạn Hạnh, Nguyễn Lương Bằng... Khu vực này chủ yếu là đất nông nghiệp.	Quyết định 759/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh	Quyết định 1690/QĐ-UBND ngày 06/07/2015	3.624 tỷ đồng	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án
V	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ												
VI	LĨNH VỰC Y TẾ GIÁO DỤC												
39	Dự án trường mầm non và tiểu học tư thực	Phường Lộc Phát	Đáp ứng nhu cầu học tập của người dân thành phố	3.600 m2	9 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		Nằm trong quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu M23 thuộc quy hoạch đồng hồ nam phương, phường Lộc Phát	Khu đất do nhà nước thu hồi, quản lý.	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26/10/2010		
40	Dự án bệnh viện quốc tế chất lượng cao	Phường 1 - thành phố Bảo Lộc.	xây dựng một bệnh viện hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh tại khu vực và các tỉnh lân cận, góp phần giảm tải cho các bệnh viện	2,57 ha	102,8 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh		Nằm trong quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm đô thị trung tâm thành phố, gồm một phần phường 1, phường 2 và phường Blao thành phố Bảo lộc	Khu đất do nhà nước thu hồi, quản lý.	Thành phố Bảo Lộc đề xuất	Quyết định 1731/QĐ-UBND ngày 28/6/2012		Thực hiện dự án theo hình thức xã hội hóa Y tế
VII	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG												
41	Nhà máy thu gom và xử lý nước thải thành phố Bảo Lộc	Phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	Đáp ứng nhu cầu thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt	5 ha, 2.500 m3/ ngày đêm	150 tỷ	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư kinh doanh		Nằm trong Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp sạch và dịch vụ Lộc Phát	Khu đất do nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường. Dự án thuộc Cụm công nghiệp sạch Lộc Phát.	Quyết định 2356/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh	Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/7/2010	75 tỷ	



PHỤ LỤC 4

Danh mục các công trình, dự án trọng điểm ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước

(Kèm theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Công trình, dự án	ĐVT	Số lượng	Vốn ước tính (tỷ đồng)
	TỔNG CỘNG			3,274.5
I	Về giao thông		84.65	2,026.0
1	XD hệ thống vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, đèn trang trí đường QL 20 qua địa bàn thành phố Bảo Lộc		29.00	429.0
-	Nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 20 đoạn qua khu vực nội thị (QL 20km114 +450 - KM125+120)	km	8.00	65.0
-	Nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng Quốc lộ 20 đoạn qua khu vực ngoại thị (KM108 +458 - QL 20KM114+450) và (KM125+120-KM129+500)	km		68.0
-	Nâng cấp cải tạo hệ thống vỉa hè Quốc lộ 20 đoạn qua khu vực nội thị (QL20 KM114+450 - KM125+120)	km	11.00	176.0
-	Nâng cấp, cải tạo hệ thống vỉa hè Quốc lộ 20 đoạn qua khu vực nội thị (KM108/+458-QL20KM114+450) và (KM125+120-Km129+500)	km	10.00	120.0
2	Nâng cấp đường Lý Thái Tổ GĐ 1 (từ ngã 3 Chu Văn An đến UBND Xã ĐamB'ri)	km	4.00	200.0
3	Nâng cấp đường Lý Thái Tổ GĐ 2 (Từ trung tâm UBND xã ĐamB'ri đến thác)	km	14.00	210.0
4	Đường từ QL 20 vào khu du lịch núi SaBung	km	2.45	80.0
5	Đường Lý Thái Tổ - Cao Bá Quát	km	1.50	250.0
6	Đường nối Đào Duy Từ - Đoàn Thị Điểm	km	0.70	100.0
7	Đường nối Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ	km	1.90	206.0
8	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Văn Thụ và xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng một phân khu dân cư phía Bắc đường Hà Giang	km	2.10	122.0
II	Về thủy lợi		122.85	710.0
1	Dự án nạo vét sông Đại Bình và các nhánh suối thuộc sông Đại Bình qua khu vực thành phố Bảo Lộc	km	10.70	10.0
2	Cải tạo suối Hà Giang (từ Lý Thường Kiệt đến QL 20)	km	3.20	150.0
3	Xây dựng hồ chứa nước Blaosire	ha	55.15	400.0
4	Hồ chứa nước Công viên hồ Nam Phương I	ha	53.80	150.0



STT	Công trình, dự án	ĐVT	Số lượng	Vốn ước tính (tỷ đồng)
III	Về văn hóa - du lịch - thể thao			143.5
1	Khu sinh hoạt Thanh Thiếu Niên thành phố	m2	2,150.00	53.5
2	Nhà văn hóa - thể thao kết hợp hội trường trung tâm thành phố Bảo Lộc	m2	7,000.00	90.0
IV	Môi trường			395.0
1	Dự án Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải trung tâm thành phố Bảo Lộc			395.0





PHỤ LỤC 5

Danh mục đề xuất tạo cơ chế về vốn từ quỹ đất và các cơ chế khác giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên đề án	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Dự kiến giá cho thuê 50 năm, hoặc giao đất	Thành tiền (tỷ đồng)	Hình thức	Ghi chú
1	Khu dân cư dọc đường Nguyễn Thái Bình	Phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc	304	2.1	638.4	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
2	Dự án Khu dân cư Trung tâm xã Lộc Châu.	Thôn 2, xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc	30	22	660	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
3	Dự án Khu dân cư Trung tâm xã Đại Lào.	Thôn 2, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc	30	22	660	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
4	Các khu dân cư và khu chức năng đô thị thuộc quy hoạch phân khu xây dựng đường vành đai phía Nam.	Phường Lộc Tiến, phường Lộc Sơn, phường B Lao, xã Lộc Châu, xã Lộc Nga,	362.4	30	10872	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
5	Dự án khu dân cư Hà Giang	Phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	2.5	27	67.5	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
6	Khu dân cư dọc tuyến đường nối đường Trần Quốc Toàn và đường 1 tháng 5, phường B'Lao, thành phố Bảo Lộc	Phường Blao, thành phố Bảo Lộc	16.8	34	571.2	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
7	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư dọc đường Tô Hiến Thành (phân khu 2)	Xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc	36.4	22	800.8	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
8	Cụm công nghiệp dịch vụ Lộc Phát.	phường Lộc Phát, TP Bảo Lộc	37.4		Theo quy mô dự án	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	



9	Nhà máy xử lý nước thải	phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc	5		15	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	
10	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí hồ Nam Phương I	Phường 1, phường Lộc Phát, TP Bảo Lộc	200		16-20	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	
11	Xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí hồ Nam Phương II	Phường 1, phường Lộc Phát, TP Bảo Lộc	84		12-15	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	
12	Khu liên hợp thể thao Bảo Lộc	Khu quy hoạch mở rộng Trung tâm thành phố Bảo Lộc (thuộc phường 1)	24		10	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	
13	Khu thương mại dịch vụ Chợ Cũ	Lê Hồng Phong, phường 1, thành phố Bảo Lộc	1.1		Theo dự án	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	
14	Khu thương mại - dịch vụ Blao Xanh	Nguyễn Văn Cừ - Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc	4.07		Theo dự án	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	
15	Dự án khu dân cư Trung tâm P.Lộc Tiến	Nguyễn Tri Phương, khu phố 1,4,6 phường Lộc Tiến	224		Theo dự án	Nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và kinh doanh	

